TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **431/**2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Trung Trực;**

2. Ông **Đoàn Thanh Phong.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa***: Bà **Đinh Thị Tuyết Hằng**- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 264/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2018/QĐST–HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Thị Thu V**, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Đoàn Thanh L,** sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu V trình bày: Chị và anh Đoàn Thanh L tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã A, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 07/11/2003. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thường xuyên đánh bài, cờ bạc, không lo cho vợ con và còn gây nợ nần. Chị đã tìm cách khuyên nhủ anh L nhưng anh L vẫn không thay đổi nên anh chị đã ly thân từ Tết năm 2018 đến nay. Trong thời gian anh chị ly thân, anh L thường xuyên kiếm chuyện để xúc

phạm và còn có hành vi đánh chửi chị. Nay chị V nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Thanh Ngọc G, sinh ngày 29/01/2003 và Đoàn Thanh Ngọc S, sinh ngày 13/3/2010 hiện đang do chị V nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị V yêu cầu được nuôi dưỡng cháu S, chị để anh L nuôi dưỡng cháu G, không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Đối với anh Đoàn Thanh L từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh L vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

*** Tại phiên tòa**, chị Phạm Thị Thu V vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị được ly hôn với anh Đoàn Thanh L. Về con chung: chị Vân yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đoàn Thanh Ngọc S, sinh ngày 13/3/2010, chị để anh L nuôi dưỡng cháu Đoàn Thanh Ngọc G, sinh ngày 29/01/2003, không ai cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị V trình bày không có.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân chị V và anh L mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị V ly hôn với anh L.

+ Về con chung: Con chung Đoàn Thanh Ngọc G và Đoàn Thanh Ngọc S hiện nay đang được chị V chăm sóc nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị V yêu cầu được nuôi dưỡng cháu S, chị để anh L nuôi dưỡng cháu G, đồng thời cháu S có nguyện vọng muốn sống với chị V và cháu G có nguyện vọng muốn sống với anh G nên cần tiếp tục giao cháu S cho chị V chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu G cho anh L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Phạm Thị Thu V về việc tranh chấp "ly hôn" với anh Đoàn Thanh L có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã A, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về hôn nhân: Chị V và anh L xác lập hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã A, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 07/11/2003. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L thường xuyên đánh bài, cờ bạc, không lo cho vợ con và còn gây nợ nần. Chị đã tìm cách khuyên nhủ anh L nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi nên anh chị đã ly thân từ Tết năm 2018 đến nay. Trong thời gian anh chị ly thân, anh L còn thường xuyên kiếm chuyện để xúc phạm và còn có hành vi đánh chửi chị, sự việc được xác nhận của đại diện công an ấp T nơi chị V mở tiệm làm tóc. Xét thấy, chị V và anh L từ lúc phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng và anh chị sống ly thân từ Tết năm 2018 nên mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh L nhưng anh vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị V, điều đó chứng tỏ anh L không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị V. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị V là phù hợp với qui định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Từ lúc chị V và anh L ly thân với nhau, cháu Đoàn Thanh Ngọc G, sinh ngày 29/01/2003 và Đoàn Thanh Ngọc S, sinh ngày 13/3/2010 được chị V chăm sóc nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị V yêu cầu được nuôi dưỡng cháu S, chị để anh L nuôi dưỡng cháu G, không ai cấp dưỡng nuôi con chung. Để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của cháu S, đồng thời cháu S có nguyện vọng muốn sống với chị V nên cần tiếp tục giao cháu S cho chị V chăm sóc nuôi dưỡng. Đối với cháu G có nguyện vọng muốn sống với anh L và chị V cũng không có ý kiến gì nên giao cháu G cho anh L nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V và anh L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị V trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị V trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với anh Đoàn Thanh L vắng mặt tại tòa không rõ lý do, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh L vẫn vắng mặt nên áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh L.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu V.

1/ Về tình cảm: Chị Phạm Thị Thu V được ly hôn với anh Đoàn Thanh L.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Đoàn Thanh Ngọc S, sinh ngày 13/3/2010 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung tên Đoàn Thanh Ngọc G, sinh ngày 29/01/2003 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng nuôi con chung do không có yêu cầu.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung**:** Không có.

5/ Về án phí: Chị Phạm Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0014626 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên chị V đã thi hành xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Anh Đoàn Thanh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh TG;
-VKSNDHCG-TG
-Chi cục THADSHCG;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng